

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **5190**/BKHDĐT-TH

V/v thông báo về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn NSTW, TPCP sang năm 2020

Hà Nội, ngày **12** tháng **8** năm 2020

Kính gửi:



- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác ở Trung ương;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được đề nghị của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn ngân sách trung ương và trái phiếu Chính phủ sang năm 2020, về nội dung này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo như sau:

1. Trên cơ sở đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính tại các văn bản số: 3096/BKHĐT-TH ngày 12 tháng 5 năm 2020, 4304/BKHĐT-TH ngày 03 tháng 7 năm 2020 và 6969/BTC-ĐT ngày 10 tháng 6 năm 2020 về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn ngân sách trung ương, trái phiếu Chính phủ sang năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã có ý kiến chỉ đạo về nội dung này tại văn bản số 6054/VPCP-KTTH ngày 24 tháng 7 năm 2020, cụ thể như sau:

a) Không kéo dài kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn ngân sách địa phương các năm 2016, 2017, 2018 sang năm 2020 như kiến nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản nêu trên. Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương chủ động cân đối trong kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2020 được giao và các năm tiếp theo để hoàn thành dự án theo tiến độ.

b) Đối với các dự án được bổ sung từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2018:

(i) Đối với các dự án mà tại các quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2018 có quy định rõ thời gian thực hiện và giải ngân: Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện giải ngân theo đúng thời hạn quy định tại các quyết định này.

(ii) Đối với các dự án mà trong các quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2018 không quy định rõ thời gian thực hiện và giải ngân: Cho phép các dự án được Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố giao/Thông báo kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2019 từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2018 được Thủ

tướng Chính phủ ký quyết định bổ sung vốn từ sau ngày 30 tháng 9 năm 2018 thì được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020.

2. Danh mục dự án được Thủ tướng Chính phủ quyết định bổ sung vốn từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2018 sau ngày 30 tháng 9 năm 2018 kèm theo Tờ trình số 3096/BKHĐT-TH ngày 12 tháng 5 năm 2020 và văn bản số 4304/BKHĐT-TH ngày 03 tháng 7 năm 2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (*Chi tiết danh mục dự án tại Phụ lục kèm theo văn bản này*).

3. Đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân các dự án tại điểm 2 nêu trên, chỉ đạo Kho bạc Nhà nước kiểm soát chi nhanh, chặt chẽ, đúng quy định trong đó lưu ý điều kiện đối với các dự án mà trong các quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2018 không quy định rõ thời gian thực hiện và giải ngân để dự án được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020 là dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố giao/thông báo kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2019 từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2018 được Thủ tướng Chính phủ quyết định bổ sung vốn sau ngày 30 tháng 9 năm 2018.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có danh mục dự án được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 tại điểm 2 nêu trên chỉ đạo chủ đầu tư khẩn trương phối hợp với Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch làm thủ tục kéo dài, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đảm bảo đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 giải ngân toàn bộ số vốn được kéo dài.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo để các bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương biết, triển khai. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để phối hợp xử lý theo quy định.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Bộ, cơ quan trung ương và địa phương./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ KH&ĐT: LDB, các đơn vị trong Bộ (d/sách kèm theo);
- Sở KH&ĐT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lưu VT, Vụ TH ^{HT}

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Quốc Phương

Phụ lục

DANH MỤC DỰ ÁN ĐƯỢC THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ QUYẾT ĐỊNH BỔ SUNG VỐN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2018
SẴN NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2020 ĐƯỢC BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỔNG HỢP BÁO CÁO THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
TẠI CÁC VĂN BẢN SỐ 3096/BKHĐT-TH NGÀY 12 THÁNG 5 NĂM 2020 VÀ SỐ 4304/BKHĐT-TH NGÀY 03 THÁNG 7 NĂM 2020



Kèm theo văn bản số 5192 /BKHDĐT-TH ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Số vốn dự phòng NSTW được Thủ tướng Chính phủ giao bổ sung trong năm 2018
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	
	TỔNG SỐ				4.753.092,304	3.371.231,099	2.097.611,000
	Tỉnh Hà Giang				95.970,000	95.970,000	50.000,000
	Quyết định số 1873/QĐ-TTg ngày 30/12/2018						
1	Kè chống sạt lở (Sông Ma) bảo vệ khu dân cư TT xã Tùng Bá huyện Vị Xuyên	Tùng Bá	2019-2020	Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 11/12/2019	95.970,000	95.970,000	50.000,000
	Tỉnh Tuyên Quang				371.907,703	317.701,337	125.000,000
	Quyết định số 1725/QĐ-TTg ngày 11/12/2018						
1	Xử lý khẩn cấp các vị trí sạt lở, xung yếu và gia cố mặt đê kết hợp đường giao thông xã Lâm Xuyên, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.	Sơn Dương		1280/QĐ-UBND ngày 11/11/2020	20.000,000	20.000,000	20.000,000
	Quyết định số 1872/QĐ-TTg ngày 30/12/2018						
2	Bố trí, sắp xếp di dân khẩn cấp ra khỏi vùng lũ quét, lũ ống, sạt lở đất và rừng phòng hộ đầu nguồn tại xóm Dùm, phường Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.	Tuyên Quang	2016-2020	856/QĐ-UBND ngày 21/8/2019	54.206,366		15.000,000
	Quyết định số 1873/QĐ-TTg ngày 30/12/2018						

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Số vốn dự phòng NSTW được Thủ tướng Chính phủ giao bổ sung trong năm 2018
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	
3	Kè bảo vệ bờ sông Gâm, hạ lưu nhà máy thủy điện Tuyên Quang, khu vực thị trấn Na hang, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.	Na Hang		839/QĐ-CT ngày 06/7/2010	297.701,337	297.701,337	90.000,000
Tỉnh Cao Bằng					150.295,000	150.000,000	150.000,000
QĐ số 1872/QĐ- TTg ngày 30/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ							
	Cầu đường bộ II Tà Lùng – Thủy Khẩu, tỉnh Cao Bằng	Thị trấn Tà Lùng	2019-2020	490/QĐ-UBND, 25/4/2019	150.295,000	150.000,000	150.000,000
Tỉnh Lào Cai					169.120,000	104.000,000	80.000,000
Quyết định số 1314/QĐ-TTg ngày 05/10/2018							
1	Hỗ trợ kinh phí cho các tỉnh khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ khắc phục thiệt hại do mưa lũ, lũ quét, sạt lở đất, ngập lụt từ giữa tháng 7 đến đầu tháng 8 năm 2018		2019		38.700,000	35.000,000	35.000,000
Quyết định số 1873/QĐ-TTg ngày 30/12/2018							
2	Chống sạt lở tuyến đường Hoàng Diệu, thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai	Sa Pa	2019-2020	2622,24/8/2018; 3878,18/11/2019	88.420,000	30.000,000	30.000,000
Quyết định số 1872/QĐ-TTg ngày 30/12/2018							
3	Kè chống sạt lở cột mốc 108(2) trên biên giới đất liền Việt Nam-Trung Quốc thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai	H.M.Khuong	2018-2020	89,09/5/2018	42.000,000	39.000,000	15.000,000

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Số vốn dự phòng NSTW được Thủ tướng Chính phủ giao bổ sung trong năm 2018
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	
	Tỉnh Yên Bái				5.000,000		5.000,000
	Quyết định số 1872/QĐ-TTg ngày 30/12/2018						
	Dự án di chuyển khẩn cấp, bố trí dân cư vùng thiên tai, lũ ống, lũ quét và sạt lở đất huyện Trạm Tấu	H. Trạm Tấu		854/QĐ-UBND ngày 28/9/2019	5.000,000		5.000,000
	Tỉnh Bắc Kạn				45.000,000	45.000,000	45.000,000
	Quyết định số 1873/QĐ-TTg ngày 30/12/2018						
1	Kè chống xói lở xã Nam Cường, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn	xã Nam Cường, huyện Chợ Đồn	2019	1367/QĐ-UBND ngày 08/8/2019	45.000,000	45.000,000	45.000,000
	Tỉnh Phú Thọ				59.616,055	59.616,055	50.000,000
	Quyết định số 1873/QĐ-TTg ngày 30/12/2018						
	Xử lý khẩn cấp kè thoát lũ từ hồ Thủy Điện đến dốc Đá Thờ, thị trấn Yên Lập, huyện Yên Lập	Thị trấn Yên Lập, huyện Yên Lập	2017-2020	3068/QĐ-UBND ngày 16/11/2017	59.616,055	59.616,055	50.000,000
	Tỉnh Hoà Bình				48.150,000	46.750,000	46.750,000
	Quyết định số 1314/QĐ-TTg ngày 05/10/2018; Quyết định số 1315/QĐ-TTg ngày 05/10/2018						
1	Dự án: Sửa chữa, nạo vét hồ Trạm Xá, xã Lạc Thịnh, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình	xã Lạc Thịnh	06/2018-12/2018	510	1.100,000	1.100,000	1.100,000
2	Công trình nạo vét, sửa chữa kênh mương hồ Đồng Bến, xã Dân Hạ, huyện Kỳ Sơn	Xã Dân Hạ, (huyện Kỳ Sơn cũ)	2019-2020	1101/QĐ-UBND; 18/3/2019	2.500,000	1.100,000	1.100,000
3	Xây dựng hệ thống chống tràn, đảm bảo an toàn cho khu vực phía bờ trái sông Đà, thành phố Hoà Bình	Thành phố Hoà Bình	2019	218/QĐ-UBND; 29/1/2019	44.550,000	44.550,000	44.550,000

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Số vốn dự phòng NSTW được Thủ tướng Chính phủ giao bổ sung trong năm 2018
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	
	Tỉnh Thanh Hoá				14.000,000	14.000,000	14.000,000
	Thủ tướng Chính phủ có văn bản số 1640/TTg-NN ngày 02/12/2019 đồng ý điều chuyển từ nguồn kết dư của 04 công trình hồ chứa (hồ Đốc Đất, Ngọc Mép, Ngọc Thanh, Bu Bu)						
1	Xử lý cấp bách hồ Con Nhạn, xã Hà Lai, huyện Hà Trung	huyện Hà Trung	2019	1353/QĐ-UBND ngày 16/4/2019	8.000,000	8.000,000	8.000,000
2	Xử lý cấp bách hồ Bái Xê, xã Hà Tiến, huyện Hà Trung	huyện Hà Trung	2019	1351/QĐ-UBND ngày 16/4/2019	6.000,000	6.000,000	6.000,000
	Tỉnh Nghệ An				322.038,707	262.624,707	133.000,000
	Quyết định số 1872/QĐ-TTg ngày 30/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ						
1	Di dân khẩn cấp vùng thiên tai và đặc biệt khó khăn biên giới xã Tri Lễ, huyện Quế Phong			4643/QĐ-UBND ngày 16/11/2012	198.414,000	139.000,000	20.000,000
	Quyết định số 1873/QĐ-TTg ngày 30/12/2018						
2	Dự án khắc phục tình trạng bồi lấp cửa lạch và sạt lở đê kè khu neo đậu tránh trú bão Lạch Thơi						25.000,000
	Quyết định số 1887/QĐ-TTg ngày 31/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ						
3	Dự án Đê biển xã Quỳnh Thọ, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	Huyện Quỳnh Lưu	2019-2020	4583/QĐ-UBND ngày 06/11/2019	20.000,000	20.000,000	20.000,000

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Số vốn dự phòng NSTW được Thủ tướng Chính phủ giao bổ sung trong năm 2018
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	
4	Dự án Bờ biển bãi Sầm Sầm xã Quỳnh Long, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	Huyện Quỳnh Lưu	2019-2020	4595/QĐ-UBND ngày 06/11/2019	14.872,707	14.872,707	15.000,000
5	Dự án Đê biển Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Huyện Nghi Lộc	2019-2020	4597/QĐ-UBND ngày 06/11/2019	8.000,000	8.000,000	8.000,000
6	Dự án Nạo vét cửa Lạch Vạn, xã Diễn Thành và xã Diễn Kim, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	Huyện Diễn Châu	2019-2020	4562/QĐ-UBND ngày 05/11/2019	20.000,000	20.000,000	20.000,000
7	Dự án Cửa Lạch Cờn, xã Quỳnh Lập, và phường Quỳnh Phương, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An	Thị xã Hoàng Mai	2019-2020	4596/QĐ-UBND ngày 06/11/2019	20.000,000	20.000,000	20.000,000
Quyết định số 1314/QĐ-TTg ngày 05/10/2018 và số 1725/QĐ-TTg ngày 11/12/2018							
8	Dự án xử lý sự cố sạt lở đất tại khu vực Khối 4 thị trấn Mường Xén, huyện Kỳ Sơn	huyện Kỳ Sơn	2019	4286/QĐ.UBND-ĐT XD ngày 22/10/2019	40.752,000	40.752,000	5.000,000
Tỉnh Hà Tĩnh					186.987,000	150.000,000	150.000,000
Quyết định số 1887/QĐ-TTg ngày 31/12/2018							
1	Xử lý sạt lở bờ biển xã Kỳ Nam, thị xã Kỳ Anh			3840; 29/11/2019	50.497,000	45.000,000	45.000,000
2	Nạo vét Cửa Sót (sông Nghèn) xã Thạch Kim, huyện Lộc Hà			819; 02/07/2019	29.000,000	25.000,000	25.000,000
Quyết định số 1873/QĐ-TTg ngày 30/12/2018							
3	Đường giao thông cứu hộ vùng 2, huyện Hương Sơn			1711; 07/6/2019	49.720,000	45.000,000	45.000,000

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Số vốn dự phòng NSTW được Thủ tướng Chính phủ giao bổ sung trong năm 2018
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	
4	Kè chống sạt lở bờ sông Ngàn Sâu đoạn qua xã Đức Đồng - Đức Lạc, huyện Đức Thọ			3607; 01/11/2019	57.770,000	35.000,000	35.000,000
Quảng Trị					104.417,000	104.417,000	52.000,000
Quyết định số 1887/QĐ-TTg ngày 31/12/2018							
1	Sửa chữa khẩn cấp kè Vĩnh Mốc, Vĩnh Thạch, Vĩnh Linh	xã Vĩnh Thạch, huyện Vĩnh Linh	2019	1913/QĐ-UBND ngày 26/7/2019	37.000,000	37.000,000	37.000,000
2	Công trình: Nạo vét cửa sông Bến Hải	TT Cửa Tùng, huyện Vĩnh Linh	2019	2151/QĐ-UBND ngày 16/8/2019	5.000,000	5.000,000	5.000,000
Quyết định số 1872/QĐ-TTg ngày 30/12/2018							
3	Dự án bố trí sắp xếp dân cư vùng biên giới Việt Lào, xã Ba Tầng, huyện Hướng Hóa	xã Ba Tầng, huyện Hướng Hóa	2019-2020	1013/QĐ-UBND ngày 11/01/2009; QĐ 629/QĐ-UBND ngày 01/04/2019	62.417,000	62.417,000	10.000,000
Tỉnh Quảng Nam					98.496,000	94.996,000	95.000,000
Quyết định số 1873/QĐ-TTg ngày 30/12/2018							
1	Dự án khu tái định cư di dời khẩn cấp vùng sạt lở các xã Quế Xuân 1, Quế Phú và Hương An	Quế Sơn	2019		28.500,000	25.000,000	25.000,000

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Số vốn dự phòng NSTW được Thủ tướng Chính phủ giao bổ sung trong năm 2018
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	
	Quyết định số 1887/QĐ-TTg ngày 31/12/2018						
2	Dự án chống xói lở khẩn cấp và bảo vệ bờ biển xã đảo Tam Hải, huyện Núi Thành	Núi Thành	2019	2795 04/9/2019	30.000,000	30.000,000	30.000,000
3	Dự án chống xói lở khẩn cấp và bảo vệ bờ biển Hội An, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam kết hợp nạo vét Cửa Đại	Hội An	2019	3970 05/12/2019	39.996,000	39.996,000	40.000,000
	Tỉnh Quảng Ngãi				147.000,000	125.000,000	125.000,000
	Quyết định 1887/QĐ-TTg ngày 31/12/2018						
1	Chống sạt lở bờ Bắc Cửa Đại, khu dân cư thôn Khê Tân, xã Tịnh Khê, tp Quảng Ngãi		2019-2020	819/QĐ-TTg ngày 02/7/2019	86.000,000	70.000,000	70.000,000
2	Kè chống sạt lở bờ biển thôn Lệ Thủy, xã Bình Trị, huyện Bình Sơn		2019-2020	819/QĐ-TTg ngày 02/7/2019	31.000,000	25.000,000	25.000,000
3	Chống bồi lấp Cửa Đại sông Trà Khúc, xã Tịnh Khê, tp Quảng Ngãi		2019-2020	819/QĐ-TTg ngày 02/7/2019	30.000,000	30.000,000	30.000,000
	Tỉnh Phú Yên				49.957,839	35.000,000	35.000,000
	Quyết định số 1872/QĐ-TTg số 1873/QĐ-TTg ngày 30/12/2018						
	Kè chống xói lở bờ tả sông Bàn Thạch đoạn từ Phú Đa đến cầu Bàn Thạch, huyện Đông Hòa	huyện Đông Hòa	2019-2020	1432/QĐ-UBND ngày 11/9/2019	49.957,839	35.000,000	35.000,000

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Số vốn dự phòng NSTW được Thủ tướng Chính phủ giao bổ sung trong năm 2018
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	
	Tỉnh Khánh Hòa				1.935.962,000	967.981,000	250.000,000
	Quyết định số 1346/QĐ-TTg ngày 11/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ						
1	Đường cất hạ cánh số 2 - Sân bay Quốc tế Cam Ranh		2015-2019	144/QĐ-UBND ngày 21/01/2015	1.935.962,000	967.981,000	200.000,000
	Quyết định số 1885/QĐ-TTg ngày 31/12/2018						
2	Các dự án khắc phục bão lụt số 8,9						50.000,000
	Tỉnh Ninh Thuận				40.000,000	40.000,000	40.000,000
	Quyết định số 1887/QĐ-TTg ngày 31/12/2018						
	Kè chống sạt lở bờ biển, bảo vệ dân cư khu vực xã Nhơn Hải đến Thanh Hải	huyện Ninh Hải	2019	1270/QĐ-UBND ngày 09/8/2019	40.000,000	40.000,000	40.000,000
	Tỉnh Bình Thuận				180.000,000	180.000,000	180.000,000
	Quyết định số 1887/QĐ-TTg ngày 31/12/2018						
1	Dự án Kè chống sạt lở bờ biển khu phố 12, 13 và 14 thị trấn Liên Hương, huyện Tuy Phong, kết hợp nạo vét cửa Liên Hương	Huyện Tuy Phong	2019 - 2020	420/QĐ-SKHĐT ngày 28/10/2019	60.000,000	60.000,000	60.000,000
2	Dự án Kè chống sạt lở bờ biển phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết	thành phố Phan Thiết	2019 - 2020	421/QĐ-SKHĐT ngày 28/10/2019	40.000,000	40.000,000	40.000,000

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Số vốn dự phòng NSTW được Thủ tướng Chính phủ giao bổ sung trong năm 2018
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	
3	Dự án Kè chống sạt lở bờ biển khu phố 5, phường Đức Long và thôn Tiến Đức thành phố Phan Thiết	thành phố Phan Thiết	2019 - 2020	455/QĐ-SKHĐT ngày 31/10/2019	30.000,000	30.000,000	30.000,000
4	Dự án Kè bảo vệ khu dân cư phường Phước Lộc, thị xã La Gi	thị xã La Gi	2019 - 2020	548/QĐ-SKHĐT ngày 19/12/2019	50.000,000	50.000,000	50.000,000
Tỉnh Lâm Đồng					239.090,000	184.304,000	110.000,000
1872/QĐ-TTg ngày 30/12/2018							
1	Ôn định dân di cư tự do xóm Bến Tre, thôn R'Lom, xã Đa Dòn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	2019	2134/QĐ-UBND ngày 08/7/2019	14.900,000	14.000,000	15.000,000
Quyết định số 1873/QĐ-TTg ngày 30/12/2018							
2	Sắp xếp ôn định dân di cư tự do thôn Đa M'Pô, xã Liêng Sronh, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	2019	2287/QĐ-UBND ngày 16/10/2015	84.340,000	40.454,000	15.000,000
3	Xây dựng điểm bố trí dân cư, ôn định di cư tự do Tiểu khu 265, 269, xã Đông Thanh, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	2019	2481/QĐ-UBND ngày 26/11/2019	40.000,000	30.000,000	30.000,000
4	Nâng cấp hệ thống đường và kè chống sạt lở tuyến thị trấn Lạc Dương đi thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	huyện Lạc Dương	2019	1933/QĐ-UBND ngày 11/9/2019	99.850,000	99.850,000	50.000,000
Tỉnh Bình Phước					70.000,000	70.000,000	40.000,000
Quyết định số 1873/QĐ-TTg ngày 30/12/2018							

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Số vốn dự phòng NSTW được Thủ tướng Chính phủ giao bổ sung trong năm 2018
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	
	Xử lý sạt lở, đảm bảo giao thông khẩn cấp đoạn Km16+000 đến K21+369 đường Sao Bông - Đăng Hà		2018-2019	2301/QĐ-UBND ngày 19/9/2019	70.000,000	70.000,000	40.000,000
Tỉnh Tiền Giang					36.123,000	30.000,000	30.000,000
Quyết định số 1873/QĐ-TTg ngày 30/12/2018							
	Bờ kè phía Tây sông Ba Rài	TX Cai Lậy		1552/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	36.123,000	30.000,000	30.000,000
Tỉnh Trà Vinh					35.000,000	15.000,000	15.000,000
QĐ 1872/QĐ-TTg ngày 30/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ							
	Di dân khẩn cấp vùng sạt lở thị trấn Cầu Ngang và xã Thuận Hòa, huyện Cầu Ngang	H. Cầu Ngang	2019-2020	1343/QĐ-UBND, 19/7/2019	35.000	15.000	15.000
Tỉnh Vĩnh Long					120.091,000	50.000,000	50.000,000
Quyết định số 1873/QĐ-TTg, ngày 30/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ							
	Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Kênh Hai Quý, khu vực phường Thành Phước, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long	Thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long	2020-2021	2546/QĐ-UBND ngày 08/10/2019	120.091,000	50.000,000	50.000,000
Tỉnh An Giang					104.875,000	104.875,000	105.000,000

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Số vốn dự phòng NSTW được Thủ tướng Chính phủ giao bổ sung trong năm 2018
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	
	Quyết định số 795/QĐ-TTg ngày 29/6/2018 và Quyết định số 1873/QĐ-TTg ngày 30/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ vốn từ nguồn dự phòng NSTW năm 2018 cho các địa phương thực hiện các nhiệm vụ cấp bách						
	Dự án Kè chống sạt lở sông Tiền bảo vệ dân cư khu vực thị trấn Phú Mỹ	TT Phú Mỹ	2018-2020	2872/QĐ-UBND ngày 2/12/2019	104.875	104.875	105.000
	Tỉnh Bạc Liêu				90.000,000	90.000,000	90.000,000
	QĐ 1872/QĐ-TTg ngày 30/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ vốn từ nguồn dự phòng NSTW năm 2018, Quyết định số 1873/QĐ-TTg ngày 30/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ vốn từ nguồn dự phòng NSTW năm 2018						
1	Dự án sửa chữa nâng cấp mái đê, khắc phục sạt lở, nâng cấp 7 km đê cấp bách trên địa bàn thành phố Bạc Liêu	Tp Bạc Liêu	2018-2022	07/NQ-HĐND, 16/3/2018; 1195/QĐ-UBND, 02/7/2018	249.993	135.000	90.000
	Tỉnh Cà Mau				33.996,000	33.996,000	31.861,000
	QĐ số 1551/QĐ-TTg ngày 13/11/2018, QĐ 1872/QĐ-TTg ngày 30/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ vốn từ nguồn dự phòng NSTW năm 2018, Quyết định số 1873/QĐ-TTg ngày 30/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ vốn từ nguồn dự phòng NSTW năm 2018						

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Số vốn dự phòng NSTW được Thủ tướng Chính phủ giao bổ sung trong năm 2018
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	
1	Cầu qua kênh xáng Minh Hà xã Khánh An	Xã Khánh An, huyện U Minh	2019-2020	443/QĐ-SGTVT ngày 21/5/2019	6.521,000	6.521,000	7.000,000
2	Tuyến đường Tây sông Cái Tàu (đoạn từ Kênh 29 đến ngã tư Tiểu Dừa), xã Khánh Tiến, huyện U Minh	xã Khánh Tiến, huyện U Minh	2019-2020	594/QĐ-SGTVT ngày 26/6/2019	8.915,000	8.915,000	8.915,000
3	Tuyến đường Tây sông Cái Tàu (đoạn từ cầu Ông Mụn đến cầu Thây Hai), xã Nguyễn Phích, huyện U Minh	xã Nguyễn Phích, huyện U Minh	2019-2020	1212/QĐ-SGTVT ngày 13/12/2019	11.566,000	11.566,000	8.952,000
4	Mở rộng tuyến đường Cuốc xã Thìn, xã Khánh Hòa - Khánh Thuận, huyện U Minh	xã Khánh Hòa - Khánh Thuận, huyện U Minh	2019-2020	671/QĐ-SGTVT ngày 18/7/2019	6.994,000	6.994,000	6.994,000

DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ NHẬN VĂN BẢN THÔNG BÁO VỀ KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2020

TT	Các đơn vị	Nhận phần lời	Nhận phần biểu
A	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác ở Trung ương (toàn bộ)	x	
B	Địa phương (UBND và Sở Kế hoạch và Đầu tư)		
1	Hà Giang	x	x
2	Tuyên Quang	x	x
3	Cao Bằng	x	x
4	Lạng Sơn	x	
5	Lào Cai	x	x
6	Yên Bái	x	x
7	Thái Nguyên	x	
8	Bắc Cạn	x	x
9	Phú Thọ	x	x
10	Bắc Giang	x	
11	Hoà Bình	x	x
12	Sơn La	x	
13	Lai Châu	x	
14	Điện Biên	x	
15	Thành phố Hà Nội	x	
16	Thành phố Hải Phòng	x	
17	Quảng Ninh	x	
18	Hải Dương	x	
19	Hưng Yên	x	
20	Vĩnh Phúc	x	
21	Bắc Ninh	x	
22	Hà Nam	x	
23	Nam Định	x	
24	Ninh Bình	x	
25	Thái Bình	x	
26	Thanh Hoá	x	x
27	Nghệ An	x	x
28	Hà Tĩnh	x	x
29	Quảng Bình	x	
30	Quảng Trị	x	x
31	Thừa Thiên - Huế	x	
32	Thành phố Đà Nẵng	x	
33	Quảng Nam	x	x
34	Quảng Ngãi	x	x
35	Bình Định	x	
36	Phú Yên	x	x
37	Khánh Hoà	x	x
38	Ninh Thuận	x	x
39	Bình Thuận	x	x
40	Đắk Lắk	x	

TT	Các đơn vị	Nhận phản lời	Nhận phản biểu
41	Đắk Nông	x	
42	Gia Lai	x	
43	Kon Tum	x	
44	Lâm Đồng	x	x
45	Thành phố Hồ Chí Minh	x	
46	Đồng Nai	x	
47	Bình Dương	x	
48	Bình Phước	x	x
49	Tây Ninh	x	
50	Bà Rịa - Vũng Tàu	x	
51	Long An	x	
52	Tiền Giang	x	x
53	Bến Tre	x	
54	Trà Vinh	x	x
55	Vĩnh Long	x	x
56	Cần Thơ	x	
57	Hậu Giang	x	
58	Sóc Trăng	x	
59	An Giang	x	x
60	Đồng Tháp	x	
61	Kiên Giang	x	
62	Bạc Liêu	x	x
63	Cà Mau	x	x
C	CÁC ĐƠN VỊ NGOÀI		
	Thủ tướng Chính phủ	x	x
	Văn phòng Chính phủ	x	x
	Bộ Tài chính	x	x
D	CÁC ĐƠN VỊ THUỘC BỘ		
1	Lãnh đạo Bộ	x	x
2	Văn phòng Bộ.	x	
3	Vụ Kinh tế đối ngoại.	x	
4	Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân.	x	x
5	Vụ Kinh tế địa phương và Lãnh thổ.	x	x
6	Vụ Quốc phòng, an ninh.	x	
7	Vụ Kinh tế nông nghiệp.	x	x
8	Vụ Kinh tế công nghiệp.	x	
9	Vụ Lao động, Văn hóa, Xã hội.	x	
10	Vụ Khoa học, Giáo dục, Tài nguyên và Môi trường.	x	
11	Vụ Kết cấu hạ tầng và Đô thị.	x	
12	Vụ Tài chính, tiền tệ.	x	
13	Vụ Quản lý khu kinh tế	x	
14	Vụ Kinh tế dịch vụ	x	

15 Trung tâm tin học

x

x